

PHẢN HỒI CỦA SINH VIÊN KHI HỌC KỸ NĂNG NÓI THEO HÌNH THỨC E-LEARNING: TRƯỜNG HỢP SINH VIÊN TIẾNG PHÁP NĂM 2, TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ, ĐẠI HỌC HUẾ

Hoàng Thị Thu Hạnh*

Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế

Nhận bài: 15/09/2020; Hoàn thành phản biện: 20/10/2020; Duyệt đăng: 26/04/2021

Tóm tắt: Hiện nay, E-learning trở thành một phương thức dạy và học phổ biến, nó đáp ứng nhu cầu của người học và người dạy và giúp họ tận dụng ngày càng hiệu quả công nghệ thông tin và truyền thông, đặc biệt trong giảng dạy ngoại ngữ. Tuy nhiên, việc triển khai giảng dạy và học tập theo phương thức này có thực sự hiệu quả, đặc biệt đối với việc học kỹ năng nói? Người học gặp những thuận lợi hay khó khăn gì, họ đã thực sự biết tận dụng các ưu thế của E-learning? Nghiên cứu phản hồi của người học về phương thức dạy và học ngoại ngữ này thực sự cần thiết. Trong khuôn khổ đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, chúng tôi đã tìm hiểu vấn đề trên với khách thể là sinh viên tiếng Pháp năm 2, trường Đại học ngoại ngữ, Đại học Huế. Trong bài cáo này, chúng tôi giới thiệu kết quả nghiên cứu cũng như đưa ra các vấn đề thảo luận nhằm góp phần nâng cao hiệu quả E-Learning trong giảng dạy ngoại ngữ nói chung và giảng dạy kỹ năng nói tiếng Pháp nói riêng.

Từ khoá: E-learning, kỹ năng nói, phản hồi của người học

1. Mở đầu

Công nghệ thông tin (CNTT) ngày càng phát huy vai trò quan trọng trong mọi lĩnh vực, trong đó có giảng dạy ngoại ngữ. Tận dụng các ứng dụng các phương tiện thông tin truyền thông nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy và học tập là nhu cầu cấp thiết và thường xuyên trên thế giới cũng như tại Việt Nam. Thật vậy, Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng đã khuyến khích và đưa ra thông tư hướng dẫn tổ chức và quản lý đào tạo qua mạng. Những năm gần đây, nhiều trường Đại học và Sở Giáo dục ở nhiều tỉnh cũng phát triển hướng đào tạo trực tuyến, một trong những phương thức đào tạo đó là “e-learning”. E-learning trở nên phổ biến, đáp ứng nhu cầu của người học và người dạy, đặc biệt trong giảng dạy và học tập ngoại ngữ. Tuy nhiên, việc triển khai giảng dạy và học tập theo phương thức này có thực sự hiệu quả, người học đánh giá như thế nào về phương thức này. Chúng ta cần tìm hiểu để biết phản hồi của người học nhằm điều chỉnh việc giảng dạy kịp thời. Vì vậy, trong khuôn khổ đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, chúng tôi đã tìm hiểu vấn đề trên đây thông qua khách thể là sinh viên (SV) tiếng Pháp năm 2, trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế.

Bài báo cáo trước tiên sẽ đi qua các khái niệm liên quan e-learning, phần chính sẽ giới thiệu phương pháp nghiên cứu cũng như kết quả nghiên cứu phản hồi của Sinh Viên khi học kỹ năng nói theo hình thức e-learning và cuối cùng chúng tôi đi đến một số đề xuất để điều chỉnh phương pháp sư phạm, kịch bản e-learning.

* Email: htthanh@hueuni.edu.vn

2. Cơ sở lý luận

Khái niệm E-learning

E-learning không còn là khái niệm xa lạ, tuy nhiên trong thực tế không phải người học hay người dạy nào để hiểu đúng và áp dụng hiệu quả.

Khái niệm này thường gặp trong tiếng Việt là “học trực tuyến”, là phương thức học tập từ xa, có sự trợ giúp của máy tính và công nghệ thông tin và truyền thông, đặc biệt là Internet.

Có nhiều quan điểm và định nghĩa khác nhau về E-learning, trong đó Horton (2002) định nghĩa như sau:

“E-learning là một tập hợp các quy trình và công nghệ, có thể được nhúng vào hệ thống tổ chức và các hoạt động bao gồm lớp học đào tạo, trợ giúp trực tuyến, hệ thống hỗ trợ hiệu suất, nỗ lực quản lý có kiến thức về lĩnh vực này. (E-learning is a collection of processes and technologies, which can be embedded in an organizational systems and activities including training classroom, online help, performance support systems, knowleged management efforts)”.
(Horton, 2002, tr. 4)

Như vậy, phương thức đào tạo này cung cấp cho người học các nội dung giáo dục thông qua Internet hoặc mạng nội bộ, kết hợp nhiều công nghệ khác nhau, nhiều tác nhân và nằm trong một hệ thống đào tạo bên cạnh kiến thức và kỹ năng chuyên môn và quản lý chứ không phải là một dự án học tập đơn lẻ. Muốn thực hiện e-learning cần chú trọng tất cả các yếu tố đó.

Ngoài ra, e-learning không dừng lại ở các buổi học trực tiếp qua các nền tảng “hội họp online” như Google Meet, Zoom mà phải kết hợp nhiều công cụ khác như bài giảng điện tử, tài liệu nghe nhìn, hướng dẫn học tập, kiểm tra đánh giá, nền tảng quản lý LMS (learning management système) như Moodle.

Đào tạo trực tuyến hiện nay có thể chia ra các nhóm khoá học học tập sau đây và mỗi nhóm có những đặc điểm riêng và hướng đến các nhóm người học khác nhau:

MOOC (Massive Open Online Course): Khóa học mở trực tuyến đại trà được định nghĩa là một khóa đào tạo trực tuyến có khả năng truy cập mở và hầu hết thời gian đều miễn phí. Việc học trực tuyến này, do một hoặc nhiều chuyên gia hướng dẫn, cung cấp cho người học nội dung giáo dục bao gồm video và bài kiểm tra trắc nghiệm. Sau khóa học, người tham gia hoàn thành các nhiệm vụ học tập sẽ được cấp chứng chỉ.

COOC (Corporate Open Online Course): Khóa học mở trực tuyến cho doanh nghiệp liên quan đến các khóa học do một công ty cung cấp cho nhân viên, giám đốc điều hành, ứng viên tiềm năng hoặc thậm chí cả khách hàng và nhà cung cấp của công ty. Mục tiêu của hình thức học tập điện tử này là hỗ trợ chuyển đổi kỹ thuật số trong các công ty và do đó phát triển kỹ năng của tất cả nhân viên.

SPOC (Small Private Open Course): Các khóa học trực tuyến nhỏ dành cho cá nhân, có thể được so sánh với một khóa đào tạo, đáp ứng một nhu cầu cụ thể. Đào tạo từ xa này dành cho nhóm ít học viên có cùng nhu cầu học tập.

Khoá học theo hình thức đào tạo hỗn (Blended-learning): Đây là khóa học kết hợp hình thức trực tuyến và trực tiếp. Đây là loại hình mà chúng tôi quan tâm nghiên cứu vì được nhiều đơn vị đào tạo đại học áp dụng trong tình hình hiện nay.

Theo cẩm nang Đào tạo Hỗn hợp của tổ chức Đại học Pháp Ngữ AUF: Trong một chương trình đào tạo hỗn hợp, người học thực hiện một số hoạt động học tập từ xa và các hoạt động học tập khác được thực hiện tại chỗ với sự giúp đỡ của người dạy. Theo Serge Leblanc (Đại học Montpellier) đề xuất, dựa vào mức độ sử dụng các phương tiện làm việc trực tuyến từ xa để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo trực tiếp:

- Trực diện được hỗ trợ bằng các học cụ đa phương tiện: Người dạy và/hoặc người học sử dụng công cụ trình chiếu hay tài liệu đa phương tiện trên lớp học. Ví dụ: Sử dụng bài trình chiếu, khai thác tài liệu từ Internet.
- Trực diện được tiết giảm hay tinh giản: phần chính của khóa học được tổ chức tập trung trực diện. Một số hoạt động được thay thế bằng các hoạt động tự học, bài tập cá nhân hay làm việc nhóm từ xa.
- Trực diện được tăng cường với hoạt động từ xa trước và sau buổi học: Toàn bộ người dạy và người học đều có hộp thư điện tử. Trước và sau buổi học, người dạy gửi cho người học một số tài liệu có thể truy cập từ xa.
- Trực diện xen kẽ: Khóa học có sự xen kẽ giữa thời gian dạy học trực diện và dạy học từ xa.

Theo nghiên cứu của chúng tôi, dù hình thức hay đối tượng nào, việc giảng dạy trực tuyến muốn thành công cần phải có các phương tiện hỗ trợ đầy đủ và có hệ thống tổ chức quản lý chất lượng và với kim chỉ nam luôn là lựa chọn phương pháp giảng dạy hợp lý và xây dựng một kịch bản cho tiến trình giảng dạy một cách khoa học.

E-learning và triết lý “lấy người học làm trung tâm”

Khi nghiên cứu ứng dụng công nghệ vào dạy học, chúng tôi vẫn chú trọng quan niệm “lấy người học làm trung tâm”, đúng hơn là một triết lý sư phạm hiện nay. Bởi chúng tôi muốn nhấn mạnh phương pháp dạy học, kịch bản khóa học mà giáo viên lựa chọn phải hướng đến người học, để tránh hướng đi “lấy người thầy làm trung tâm” hay “lấy công nghệ làm trung tâm” khi người dạy muốn thể hiện các chức năng ưu việt của công nghệ mà quên đi đối tượng chính của việc học tập. Quan điểm này có thể được hiểu như sau:

“Dạy học “lấy người học làm trung tâm” có tư tưởng chủ đạo là tổ chức cho HS hoạt động tích cực, sáng tạo, lấy tự học làm chính; lấy tập thể để hỗ trợ cho cá nhân; lấy máy móc thiết bị làm phương tiện; lấy tài liệu, sách giáo khoa, băng hình và tự đánh giá kết quả học tập”; “Lấy người học làm trung tâm” là quan điểm không phải hạ thấp vai trò của người thầy, đưa người thầy xuống trở thành người “quan sát”, “chứng kiến” hoạt động của HS. Mà ngược lại vì “lấy người học làm trung tâm” nên càng yêu cầu cao đối với năng lực của người thầy. Người thầy phải là người có khả năng tổ chức, điều khiển mọi hoạt động của HS, giúp HS học tập tốt nhất.” (Hoàng, 2013)

Đối với giảng dạy ngoại ngữ cũng không nằm ngoài xu hướng này, dù với đường hướng giao tiếp hay các phương pháp giảng dạy tích cực hiện nay đều “lấy người học làm trung tâm”. Hoạt động học tập “bởi người học và vì người học” có nghĩa người học là trung tâm của quá

trình học tập, chịu trách nhiệm chính việc học của mình. Như vậy, một nhiệm vụ của giảng dạy hay phương pháp giảng dạy cần giúp người học chủ động, tự giác, sáng tạo trong việc học của mình. Đặc biệt với phương thức E-learning, tính chủ động tự giác của người học cần thiết hơn bao giờ hết. Đồng thời, các khoá học và phương thức học tập phải đáp ứng nhu cầu, mục tiêu của người học, phù hợp với người học.

Cũng chính quan niệm này chúng tôi ý thức cần hiểu rõ người học, điều chỉnh, hoàn thiện các phương thức dạy học để đáp ứng ngày càng tốt hơn các yêu cầu của đối tượng người học. Cụ thể, chúng tôi đã tìm hiểu phản hồi của sinh viên về phương thức giảng dạy trực tuyến vừa qua trong việc học tập kỹ năng nói tiếng Pháp.

3. Phương pháp nghiên cứu

Chúng tôi thực hiện khảo sát sinh viên tiếng Pháp năm 2, K15 thuộc Khoa Tiếng Pháp-Tiếng Nga, Trường ĐHNN, ĐHH. Sau khi đã học học phần Nói 4 với hình thức E-learning trong học kỳ 2 năm học 2019-2020

Chúng tôi đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

- Phương pháp phân tích tổng hợp lý thuyết và kết quả điều tra.
- Phương pháp định lượng: điều tra bằng bảng hỏi trong quá trình học và sau khi học.

Công cụ nghiên cứu đã được sử dụng gồm:

- Bảng hỏi dành cho SV sau khi học gồm 18 câu hỏi trắc nghiệm và 1 câu hỏi mở.
- Google form là phần mềm phục vụ việc điều tra và tổng hợp số liệu.

4. Kết quả nghiên cứu

Chúng tôi đã khảo sát tất cả sinh viên năm 2, K15, các sinh viên này học học phần nói 4 theo 3 nhóm lớp.

52/54 SV đã tham gia trả lời khảo sát và chúng tôi đã có những kết quả chính như sau:

Đa số sinh viên đều có các phương tiện để truy cập Internet và học trực tuyến, 100% SV đều có điện thoại thông minh, 60% có máy tính xách tay, 10 % có máy tính bàn và 69% có Internet tại nhà.

SV nhận thấy họ vừa có nhiều thuận lợi khi học trực tuyến:

- Có phương tiện hỗ trợ đầy đủ
- Có hướng dẫn của giáo viên về phương pháp học
- Có khả năng truy cập Internet ở nhiều nơi
- Có hệ thống học trực tuyến của trường (lms.hucfl.edu.vn)
- Kỹ năng ứng dụng CNTT của bản thân tốt
- Có bản hướng dẫn và video cụ thể của Trường khi đăng ký học E-learning
- Đã từng theo các khóa học trực tuyến khác

- Có sự giúp đỡ của bạn bè
- Tài liệu học tập trong khóa học phong phú

Trong đó thuận lợi lớn nhất là khả năng kết nối Internet nhiều nơi (98%), và hơn 50% SV lựa chọn các thuận lợi còn lại.

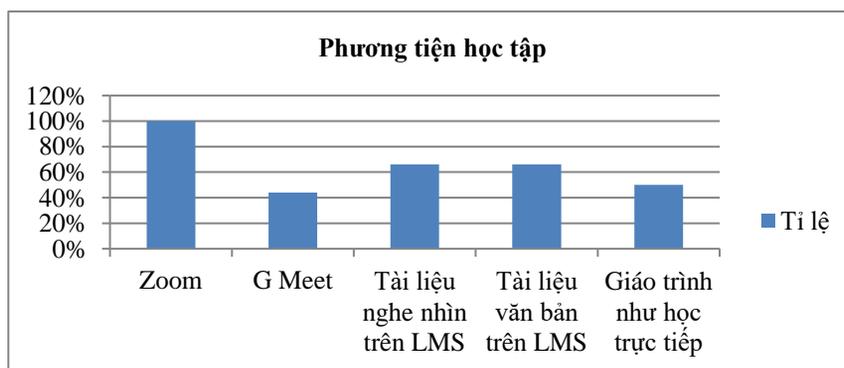
Về khó khăn trong việc theo học bằng phương thức E-learning, SV đã gặp những vấn đề sau đây:

- Không có đầy đủ thiết bị công nghệ hỗ trợ
- Các hướng dẫn về phương pháp học không rõ ràng
- Việc sử dụng trang học qua mạng của trường phức tạp
- Các vấn đề kỹ thuật của trang học qua mạng của trường
- Các vấn đề kỹ thuật của các công cụ phục vụ học qua mạng
- Khó liên hệ với giáo viên
- Khó liên hệ với bạn bè
- Ít tương tác với giáo viên
- Ít tương tác với người học
- Thiếu khả năng tự học
- Thiếu tài liệu tham khảo trong khóa học.

Trong đó, ba khó khăn lớn nhất của tất cả SV đó là: Sử dụng chưa thành thạo trang web học (<http://lms.hucfl.edu.vn/>); Các vấn đề kỹ thuật của trang học qua mạng của trường; Ít tương tác với giáo viên.

Về công cụ kỹ thuật số phục vụ học tập, trong khi một số SV cho rằng đây là thuận lợi của họ thì không ít SV cho rằng đây là một khó khăn, họ thiếu các phương tiện học tập trực tuyến. Điều đó đặt ra vấn đề khoảng cách kỹ thuật số trong sinh viên.

Đối với việc học kỹ năng nói, SV cho biết các phương tiện học tập mà họ đã dùng khi học học phần nói 4:

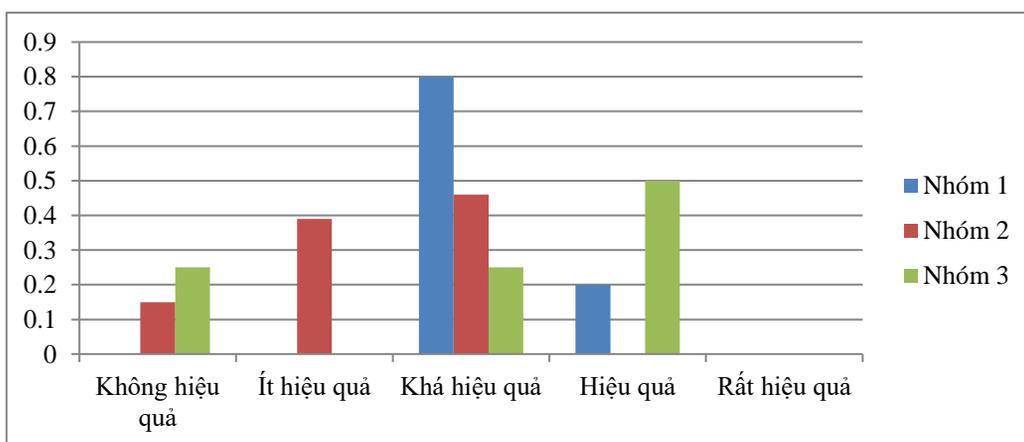


Theo kết quả trên, phương tiện được dùng nhiều nhất là nền tảng hội nghị trực tuyến Zoom, đồng thời hơn 50% SV được học kết hợp với nhiều phương tiện khác.

Điều chúng tôi quan tâm hơn cả đó là nhận xét của người học về hiệu quả của việc học tập này qua các câu hỏi tiếp theo:

Xét trên tổng số SV năm 2 của cả 3 nhóm qua câu hỏi đánh giá theo 5 bậc từ “không hiệu quả” đến “rất hiệu quả”, thì 60% cho rằng khá hiệu quả, không SV nào chọn rất hiệu quả và chỉ gần 1% cho rằng hiệu quả và 5% cho rằng không hiệu quả. Như vậy, nhìn chung việc học tập trực tuyến chưa thực sự đạt được chất lượng cao.

Tuy nhiên so sánh giữa các nhóm thì có sự phân hóa:



Theo kết quả thu được nhóm 1 các SV nhận thấy việc rèn luyện kỹ năng nói là hiệu quả và khá hiệu quả. Điều này có thể giải thích qua các nguyên nhân: nhóm học này ít SV (09 SV), và họ có đầy đủ phương tiện hỗ trợ học trực tuyến, 100% có máy tính và/hoặc điện thoại thông minh, Internet tại nhà. Ngoài ra, về mặt ngôn ngữ đây là nhóm đầu vào đa số là D3, tức là đã có học tiếng Pháp ở phổ thông, so với 2 nhóm còn lại thì trình độ ngôn ngữ của nhóm này cao hơn. Hơn nữa, các hoạt động trực tuyến của nhóm này cũng đa dạng hơn, họ không có khó khăn trong tương tác với giáo viên và sinh viên trong quá trình học.

Đề tài nghiên cứu việc học kỹ năng nói nên chú trọng các hoạt động rèn luyện kỹ năng này như thuyết trình, đóng vai, hội thoại. Điều đáng chú ý là các hoạt động này đều được đánh giá có hiệu quả và khá hiệu quả, chỉ 25% sinh viên cho rằng ít hiệu quả.

Điều đó được giải thích bởi các thuận lợi mà SV có được sau đây:

Đối với thuyết trình: SV có thể luyện tập nhiều lần trước khi quay lại bài thuyết trình, chính luyện tập nhiều lần sinh viên tiến bộ và tự tin khi nói (ý kiến của 50% SV), thuận lợi lớn nhất mà nhiều SV lựa chọn (70%) là lưu lại được và lại lại để rút kinh nghiệm, ngoài ra cũng cần kể đến: phát huy sức sáng tạo của bản thân, chủ động, và rèn luyện được kỹ năng tin học. Đối với các hoạt động như hội thoại và đóng vai, thì có chức năng «chia phòng» của Zoom để từng nhóm SV luyện tập không bị nhiễu tiếng ồn của nhóm khác như học trực tiếp. Ngoài ra, theo quan sát của người nghiên cứu và trực tiếp dạy, chúng tôi nhận thấy các SV vốn nhút nhát thì trở nên mạnh dạn phát biểu và thực hiện các nhiệm vụ qua mạng rất tích cực.

Tuy nhiên cũng cần lưu ý các khó khăn mà SV gặp phải: Vấn đề kỹ thuật đường truyền Internet (100% SV đã nêu ra), thiếu thiết bị tạo video, thiếu kỹ năng ứng dụng CNTT.

Tiếp theo, chúng tôi tìm hiểu nguyện vọng của SV về việc tiếp tục học theo phương thức E-learning kỹ năng nói, phần lớn SV của 3 nhóm mong muốn tiếp tục, trong đó 100% SV nhóm 1, 55% SV của nhóm 2 và 3. Trong số các SV mong muốn học trực tuyến, đa số chọn tỉ lệ học trực tuyến/trực tiếp là 2/5 (73 %).

Như vậy, đa số SV mong muốn học theo hình thức hỗn hợp, kết hợp trực tuyến và trực tiếp tuy nhiên thời lượng học trực tiếp phải chiếm tỉ trọng lớn hơn.

Cuối cùng chúng tôi tìm hiểu các nguyện vọng và đề xuất của SV, SV hầu hết đều mong muốn:

- Nhà trường và Khoa hỗ trợ về kỹ thuật, nâng cấp hệ thống LMS.
- Giảng viên đưa các tài liệu học tập và hướng dẫn cụ thể hơn.
- Các hoạt động và bài tập cần đa dạng, tránh tất cả giáo viên cùng yêu cầu một nhiệm vụ, gây nhàm chán và mất nhiều thời gian (tránh yêu cầu làm thuyết trình nhiều môn cùng một lúc, hoặc làm nhiều bài tập qua hình thức tạo video cùng thời điểm).
- Nhiều SV đề nghị GV chú ý gửi “feedback” thay vì ra nhiều bài tập mà không phản hồi kịp thời.

Đây là những nhận xét của SV mà giảng viên cũng như các cấp quản lý cần quan tâm xem xét để hoàn thiện hơn chương trình E-learning hiện nay.

5. Thảo luận và khuyến nghị

Từ thực trạng trên chúng tôi nhận thấy rằng việc giảng dạy E-learning tại trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế đang theo hướng hỗn hợp. Để đạt được hiệu quả, theo TS. Nguyễn Tấn Đại trong khóa học Hỗ trợ giảng dạy E-learning đã khuyến cáo:

- “- Chất lượng đào tạo không chỉ phụ thuộc vào chất lượng nội dung của giáo trình, học liệu.*
- Học tập không chỉ là đọc tài liệu hay nghe giảng để hiểu bài.*
- Đọc/nghe qua máy tính không đương nhiên dễ dàng hơn đọc/nghe*
- Người học qua máy tính bị rơi vào tình trạng cô lập khỏi một môi trường thuận tuý dành cho học tập.*
- Sự tương tác có vai trò rất quan trọng để giúp phá vỡ tình trạng cô lập của người học, nhưng đó không phải là bản sao máy móc của quan hệ tương tác trên lớp học tập trung.*
- Dạy học trực tuyến cần tránh tạo ra bất công trong tiếp cận thông tin, nội dung học tập, thực hành, thi cử.”*

Như vậy chúng ta cần quan tâm đến việc xây dựng kịch bản như thế nào và tham khảo các kịch bản của các học phần giảng dạy song song tránh chồng chéo các nhiệm vụ. Hơn nữa, GV cần tăng cường tương tác và hướng dẫn người học, không để người học cô lập trước máy tính.

Không thể không nhắc đến điều kiện kỹ thuật để vận hành đào tạo trực tuyến cũng như học tập. Từ phản hồi SV, chúng tôi nhận thấy có sự phân hoá về điều kiện tiếp cận công nghệ vì vậy trường và khoa, GV cần quan tâm hơn đối tượng này, có thể tạo ra không gian tự học có máy tính kết nối Internet mà SV có thể sử dụng học trực tuyến.

Ngoài ra, giảng viên cần trang bị các kiến thức kỹ năng dạy E-learning, sử dụng thành thạo các chức năng sử dụng khoá học trên LMS của Trường cũng như cách thiết kế khóa học và tài liệu giảng dạy như thế nào để đáp ứng mục tiêu của chương trình và nhu cầu của người học.

6. Kết luận

Trên đây chúng tôi giới thiệu nội dung và kết quả chính của đề tài nghiên cứu phản hồi của SV tiếng Pháp sau khi học kỹ năng nói qua hình thức E-learning. Nghiên cứu này giúp chúng tôi thấy rằng dù đối với kỹ năng thực hành tiếng cần tương tác cao này, phương thức hỗn hợp vẫn có thể thực hiện được và đã thể hiện một số thuận lợi nhất định. Chúng ta không thể thay thế hình thức trực tiếp bằng trực tuyến nhưng sự kết hợp hợp lý giúp SV học tập hiệu quả. Bên cạnh đó, chúng tôi nhận thấy việc xem xét phản hồi của người học luôn là hướng nghiên cứu cần thiết trong đào tạo, nó đã giúp chúng tôi trong việc cải thiện việc giảng dạy kịp thời và đúng hướng.

Tài liệu tham khảo

- Ben Henda M. (2020). *Cẩm nang triển khai phương thức đào tạo hỗn hợp*. Tổ chức Đại học Pháp ngữ (AUF), Ban Giám đốc Khu vực Châu Á-Thái Bình Dương (DRAP).
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016). Thông tư số 12/2016/TT-BGDĐT *Quy định Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo qua mạng*.
- Horton, W.K. (2002). *Using E-learning*, American society for training and development. <https://books.google.com.vn/tra-cuu-ngay-14/09/2020>.
- Nguyễn Lê Hoàng (2013). *Bàn về quan điểm giáo dục: “Lấy người học làm trung tâm”*, Báo Giáo Dục online, <https://www.giaoduc.edu.vn/ban-ve-quan-diem-giao-duc-lay-nguoi-hoc-lam-trung-tam.htm>, tra cứu ngày 14/09/2020.
- Nguyễn Tấn Đại (2020). *E-learning: Dẫn nhập về phương pháp tiếp cận*. <http://cnf-hcmv.vn.auf.org/tra-cuu-ngay-14/09/2020>.

STUDENT'S FEEDBACK AFTER LEARNING SPEAKING SKILLS BY E-LEARNING: A CASE STUDY OF SECOND YEAR FRENCH STUDENTS, UNIVERSITY OF FOREIGN LANGUAGES, HUE UNIVERSITY

Abstract: Nowadays, e-learning has become a popular teaching and learning method that meets the demands of learners and teachers and helps them make more and more effective use of information and communication technology, especially in foreign language learning and teaching. However, is the implementation of teaching and learning in this way really effective, especially for learning speaking skills? What advantages or disadvantages do learners faces and do they really take advantage of e-learning? Studying learners' feedback on this method of foreign language teaching and learning is absolutely necessary. In our study, we have investigated the above questions with second year French students, University of Foreign Languages, Hue University. In this report, we present the research findings as well as discussing issues to improve the effectiveness of e-learning in foreign language teaching, in general and in teaching French speaking skills, in particular.

Keywords: e-learning, speaking skills, feedback of learners